

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2018.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc “*tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị O, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khóm D, phường E, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Tổ F, ấp G, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Xuân S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A, đường B, tổ C, khóm D, phường E, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị O có mặt, anh S vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Võ Thị O trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị O và anh Trần Xuân S cưới nhau vào năm 2006, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Cao Lãnh ngày 22/01/2007.

Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh S đánh, đuổi chị O nên chị về nhà cha mẹ ruột sống từ đó đến nay. Thời gian xa nhau, cả hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Chị O nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị O yêu cầu được ly hôn với anh S.

Con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Xuân M, sinh ngày 04/01/2007, hiện con chung đang sống chung với chị O. Khi ly hôn chị O yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Trần Xuân S đã được Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, do anh S trực tiếp ký nhận nhưng anh S không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Võ Thị O và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Trần Xuân S có địa chỉ tại phường E, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Xuân S, do anh S trực tiếp ký nhận, anh S không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và anh S cũng không có mặt tại phiên tòa hôm nay nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Xuân S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân của chị O và anh S được xác lập vào năm 2006, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố Cao Lãnh ngày 22/01/2007 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa hôm nay, chị O cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh S, anh S không có mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án và không trình bày ý kiến của anh về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị O và anh S có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, hai bên không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị O được ly hôn với anh S.

[3] Xét con chung: Chị O và anh S có 01 con chung tên Trần Xuân M, sinh ngày 04/01/2007, hiện con chung đang sống với chị O. Tại phiên tòa, chị O vẫn giữ nguyên yêu cầu là được tiếp tục nuôi con chung là Trần Xuân M, anh S không có mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án và không trình bày ý kiến của anh về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy Xuân M còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, sống với mẹ sẽ thuận lợi cho việc học tập và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng sống cháu Xuân M tại văn bản ý kiến ngày 16/08/2018. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị O, chị O được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Xuân M, sinh ngày 04/01/2007 là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Xét cấp dưỡng nuôi con: Chị O không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, anh S không có mặt tại phiên tòa để trình bày ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, chị O trình bày, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung; anh S vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Xuân S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị O, chị Võ Thị O được ly hôn với anh Trần Xuân S.

Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị O, chị Võ Thị O được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Xuân M, sinh ngày 04/01/2007, hiện con chung đang sống với chị O.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Võ Thị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002407 ngày 06/7/2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị O đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Xuân S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Võ Thị O có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Xuân S có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh